

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HSPT

Ngày: 17/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Tuyên.**

***Các Thẩm phán:* Ông Vũ Văn Giáp**

Ông Đinh Xuân Tuấn.

- Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

***Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.**

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Xuân Quý - Kiểm sát viên.**

Hôm nay ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 141/2019/HSPT ngày 28 tháng 8 năm 2019 do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu P, Nguyễn Đăng T và Nguyễn Hữu L đối với bản án hình sự sơ thẩm số 89/2019/HSST ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hữu P, sinh năm 1972.

HKTT: Thôn N, xã V, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12;

Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam;

Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Hữu H (đã chết) và bà Nguyễn Thị C (đã chết); Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là út; có vợ là Nguyễn Thị Q, sinh năm 1976, có 03 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/4/2019 đến ngày 11/4/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại. (có mặt).

2. Nguyễn Đăng T, sinh năm 1981.

HKTT: Thôn N, xã V, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12;

Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam;

Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Đăng N, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1956; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là thứ hai; có vợ là Nguyễn Thị P, sinh năm 1983, có 01 con sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: - Tại bản án số 32/2002/HSST ngày 29/8/2002 của TAND huyện Q, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 29/8/2004.

- Tại bản án số 85/2008/HSST ngày 28/5/2008 của TAND thành phố B, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 05 tháng tù về tội Đánh bạc. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 13/9/2013.

- Tại bản án số 122/2008/HSST ngày 20/8/2008 của TAND thành phố B, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 11/5/2009.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/4/2019 đến ngày 11/4/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại. (có mặt).

3. Nguyễn Hữu L, sinh năm 1992.

HKTT: Thôn N, xã V, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12;

Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam;

Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1968; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 98/2012/HSST ngày 23/7/2012 của TAND thị xã T, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng 6 ngày về tội Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/4/2019 đến ngày 11/4/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại. (có mặt).

Trong vụ án còn có 04 bị cáo khác là Nguyễn Đăng L, Nguyễn Bá L, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Đăng D nhưng không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 22h30 ngày 07/4/2019, tại nhà của Nguyễn Hữu P ở thôn N, xã V, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; Công an huyện Q kết hợp với Công an xã V, bắt quả tang các đối tượng Nguyễn Hữu C, Nguyễn Đăng T, Nguyễn Hữu L, Nguyễn Đăng D, Nguyễn Đăng L và Nguyễn Bá L đang có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh liêng. Trước đó là Nguyễn Hữu P cũng tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh phỏm với Nguyễn Hữu C, Nguyễn Đăng L và Nguyễn Bá L. Tổng số tiền xác định đánh bạc là 9.270.000đ.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân bài; 01 thảm trải sàn nhà; tổng số tiền thu giữ là 46.470.000đ (thu trên chiếu bạc là 4.770.000đ, thu trên người các đối tượng là 41.700.000đ); ngoài ra còn thu giữ 07 chiếc điện thoại di động các loại.

Với nội dung như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2019/HSST ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh đã tuyên xử các bị cáo Nguyễn Hữu P, Nguyễn Đăng T, Nguyễn Hữu L phạm tội Đánh bạc. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Nguyễn Hữu P 11 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 08/4/2019 đến ngày 11/4/2019. Phạt tiền bị cáo 12.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Nguyễn Đăng T 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 08/4/2019 đến ngày 11/4/2019. Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

Nguyễn Hữu L 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 08/4/2019 đến ngày 11/4/2019. Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với 04 bị cáo khác, xử lý vật chứng, hậu quả pháp lý của vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/7/2019, bị cáo Nguyễn Hữu P làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo; Ngày 02/8/2019, bị cáo Nguyễn Đăng T làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo; Ngày 06/8/2019, bị cáo Nguyễn Hữu L làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của bản án sơ thẩm; các bị cáo đều thừa nhận việc Tòa án sơ thẩm xử các bị cáo về tội Đánh bạc là đúng người đúng tội, không oan.

Bị cáo P trình bày: Bị cáo nhận thức được những hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tuy nhiên bị cáo đề nghị HĐXX xem xét đến điều kiện phạm tội của bị cáo, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu; bị cáo là người khuyết tật nặng hàng tháng được nhận trợ cấp xã hội, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã chấp hành nộp số tiền 10.200.000đ theo quyết định của bản án sơ thẩm. Vì vậy, bị cáo nhận thấy mức hình phạt 11 tháng tù đối với bị cáo là quá nặng, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo T trình bày: Bị cáo nhận thấy mức hình phạt 09 tháng tù đối với bị cáo là quá nặng; bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo L trình bày: Bị cáo nhận thức được những hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tuy nhiên bị cáo đề nghị HĐXX xem xét đến điều kiện phạm tội của bị cáo, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã chấp hành nộp số tiền 10.200.000đ theo quyết định của bản án sơ thẩm. Vì vậy, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hiện quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá hành vi phạm tội cùng nhân

thân của bị cáo đã đề nghị HĐXX: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu L và Nguyễn Đăng T; chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Hữu P, sửa bản án sơ thẩm chuyển treo cho bị cáo Nguyễn Hữu P.

Các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xem xét lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của những người khác tại cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy đã đủ cơ sở để kết luận: Nguyễn Hữu P, Nguyễn Đăng T, Nguyễn Hữu L đã có hành vi sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức chơi phỏm và chơi Liêng (Nguyễn Hữu P chỉ đánh phỏm), với tổng số tiền đánh bạc trên chiếu bạc là 9.270.000đ. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS như bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu P, Nguyễn Đăng T, Nguyễn Hữu L có cùng nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo, HĐXX phúc thẩm thấy:

Đối với Nguyễn Hữu P là người giữ vai trò chính trong vụ án, là chủ nhà cho các đối tượng đánh bạc và trực tiếp đánh bạc dưới hình thức đánh phỏm, chuẩn bị bài, nhận tiền hồ của các đối tượng. Do hành vi gá bạc, tổ chức đánh bạc của bị cáo không cấu thành tội phạm nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét xử bị cáo về tội đánh bạc là phù hợp. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng với bị cáo; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày thêm hoàn cảnh bị cáo hiện nay có giấy chứng nhận khuyết tật nặng, hàng tháng được nhận trợ cấp xã hội, quá trình giải quyết tại phúc thẩm bị cáo đã nộp 10.000.000đ tiền phạt và 200.000đ án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm. Đây được coi là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, do vậy cần chiếu cố chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm xử phạt hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo là có căn cứ.

Đối với bị cáo Nguyễn Đăng T là người có nhân thân xấu: Năm 2002 đã bị TAND huyện Q, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; Năm 2008 đã bị TAND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 05 tháng tù về tội Đánh bạc và cũng tại năm 2008 đã bị TAND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Có thể thấy bị cáo đã rất nhiều lần phạm tội và bị đưa ra xét xử, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để cải sửa bản thân mà lại tiếp tục dần thân vào con đường phạm tội, chứng tỏ bị cáo là người rất coi thường pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng với bị cáo và xử phạt mức hình phạt là 09 tháng tù là phù hợp, không nặng; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình thêm được bất kỳ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu L tuy là người cũng có nhân thân xấu: Năm 2012 đã bị TAND thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng 6 ngày về tội Trộm cắp tài sản. Tuy nhiên trong vụ án này bị cáo chỉ tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh Liêng với số tiền 500.000đ, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện chấp hành quyết định của bản án sơ thẩm về việc nộp số tiền 10.200.000đ; do đó cần coi sự tự giác chấp hành quyết định của bản án sơ thẩm là tình tiết giảm nhẹ mới quyết định tại Khoản 2 Điều 51 BLHS. Áp dụng Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP có thể thấy bị cáo L đã bị kết án từ năm 2012 nhưng đã được xóa án tích tính đến ngày phạm tội lần này đã hơn 05 năm, xét thấy tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng. Có thể thấy bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Bởi vậy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX phúc thẩm không xem xét.

Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đăng T không được chấp nhận nên các bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu L và bị cáo Nguyễn Hữu P được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đăng T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Nguyễn Đăng T 09 tháng tù về tội Đánh bạc, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 08/4/2019 đến ngày 11/4/2019. Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu P và Nguyễn Hữu L, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Nguyễn Hữu P 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời gian thử thách là 22 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt tiền bị cáo 12.000.000đ sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo P đã nộp số tiền 10.200.000đ theo biên lai thu tiền số 0005766 ngày 16/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Nguyễn Hữu L 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

Xác nhận bị cáo L đã nộp số tiền 10.200.000đ theo biên lai thu tiền số 0005740 ngày 30/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu P và bị cáo Nguyễn Hữu L cho UBND xã V, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bị cáo Nguyễn Đăng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ I – Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Q;
- VKSND huyện Q;
- Cơ quan CSĐT huyện Q;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BN;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tuyên

